

Số: 45/2020/QĐST - HNGĐ

Thiệu Hóa, ngày 09 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Quản Thị P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn QX, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn QX, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 7 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Quản Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Quản Thị P và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị P và anh T thỏa thuận chị P nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Mai P1, sinh ngày 29/01/2018, anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Phương đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2020.

Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh T phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự hoặc khi pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị P, anh T thỏa thuận chị P chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị P đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa theo biên lai thu số AA/2017/0005709 ngày 07/05/2020, chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt